

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1850/GPMT-UBND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 6 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản số 2205/CV-DUBHE ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Công ty TNHH Quang điện DUBHE về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất thiết bị quang điện - Công ty TNHH Công nghệ quang điện Quảng Hợp Việt Nam" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 536/TTr-SNNMT ngày 08 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Quang điện DUBHE, địa chỉ: Tầng 1, tầng 3 và tầng 4 nhà xưởng CC-HH3 (NX H3A) thuê của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình, Lô B2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất thiết bị quang điện - Công ty TNHH Công nghệ quang điện Quảng Hợp Việt Nam" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất thiết bị quang điện - Công ty TNHH Công nghệ quang điện Quảng Hợp Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tầng 1, tầng 3 và tầng 4 nhà xưởng CC-HH3 (NX H3A) thuê của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình, Lô B2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 1001320974 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2026; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 6544076315 do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 1001320974.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất ống nhôm, kính ngắm dùng trong du lịch, thể thao và nghiên cứu thiên văn (Mã ngành theo VSIC: 2670).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích đất sử dụng: Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình trên diện tích đất 1.764,4 m², diện tích sàn 5.293,2 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C.

- Dự án thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

- Công suất thiết kế (Năm sản xuất ổn định): Ống nhôm, kính ngắm dùng trong du lịch, thể thao và nghiên cứu thiên văn: 500.000 chiếc/năm, tương đương 400 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm chính của dự án:

(1) Quy trình sản xuất các chi tiết bằng nhựa:

Nguyên liệu (hạt nhựa PC, ABS, PVC, PPS) → Trộn và sấy liệu → Gia công tạo hình (Ép phun) → Lấy sản phẩm → Kiểm tra thành phẩm → Đóng gói → Nhập kho.

(2) Quy trình gia công chi tiết kim loại:

Nguyên vật liệu (hợp kim ma-giê, hợp kim nhôm) → Gia công thô → Gia công chi tiết → Kiểm tra → Đóng gói → Nhập kho.

(3) Quy trình gia công nguội thấu kính:

Nguyên liệu đầu vào → Vệ sinh → Tráng phủ → Gắn kết → Bôi đen cạnh → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho.

(4) Quy trình lắp ráp sản phẩm có bo mạch:

(Sản phẩm của quy trình sản xuất các chi tiết bằng nhựa + sản phẩm quy trình gia công chi tiết kim loại + sản phẩm của quy trình gia công nguội thấu kính) → Chuẩn bị các chi tiết → Vệ sinh → Lắp ráp cơ khí → Lắp ráp 3 cụm kính → Lắp đặt bo mạch → Hiệu chỉnh → Chuẩn định khoảng cách → Lắp ráp ngoại quan → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho.

(5) Quy trình lắp ráp sản phẩm không có bo mạch:

(Sản phẩm của quy trình sản xuất các chi tiết bằng nhựa + sản phẩm quy trình gia công chi tiết kim loại + sản phẩm của quy trình gia công nguội thấu kính) → Chuẩn bị các chi tiết → Vệ sinh → Lắp ráp cơ khí → Lắp ráp 3 cụm kính → Hiệu chỉnh → Chuẩn định khoảng cách → Lắp ráp ngoại quan → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Quang điện DUBHE.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Quang điện DUBHE có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước

thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý KKT và các KCN tỉnh;
- Trung tâm PVHCC (trả kết quả);
- UBND xã Thái Thụy;
- Công ty TNHH Quang điện DUBHE;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải công khai);
- Lưu: VT, KT2^{Thin}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1850/GPMT-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Dự án thực hiện thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa tráng về trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối điểm xả nước thải ngày 21/01/2026 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Công ty TNHH Quang điện DUBHE).

Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1) theo Biên bản thỏa thuận số 16/BBTT/GiP-NTC ngày 15/05/2024 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Công ty Cổ phần Green i-Park.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh (nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu được thu gom xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn với tổng dung tích 14 m³, cùng với nước thải phát sinh từ bồn rửa, thoát sàn) được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 600 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình, nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1) tại hố ga NT3-4, có tọa độ: X(m) = 2272593.417, Y(m) = 608465.611 (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰).

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa tráng được thu gom bằng đường ống DN100 về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 600 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình, nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1) tại hố ga NT3-4, có tọa độ: X(m) = 2272593.417, Y(m) = 608465.611 (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰).

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm sạch các linh kiện trước lắp ráp và thấu kính trước tráng phủ tại máy rửa siêu âm là chất thải phải được kiểm soát, thu gom, lưu giữ theo quy định, sau đó chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải (công suất 600 m³/ngày đêm) của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình → Hồ ga NT3-4 → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1).

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa tráng → Đường ống dẫn → Hệ thống xử lý nước thải (công suất 600 m³/ngày đêm) của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình → Hồ ga NT3-4 → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước thải, bảo đảm nước thải được thu gom triệt để về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình, nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1).

- Trang bị các thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống thu gom nước thải.

- Kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ hệ thống thu gom nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện thu gom, đầu nối nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa tráng vào trạm xử lý nước thải của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1).

3.2. Thu gom, lưu giữ và chuyển giao nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm sạch các linh kiện trước lắp ráp và thấu kính trước tráng phủ tại máy rửa siêu âm cho đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1850/GPMT-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất ép phun nhựa;
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình hàn điện tử.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

STT	Dòng khí thải	Nguồn khí thải tương ứng	Lưu lượng xả lớn nhất (m ³ /giờ)	Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°)	
				X (m)	Y (m)
1	01 dòng khí thải	Số 01	23.397	2272822.693	609353.845

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất là 23.397 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục theo các thời điểm sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột A). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	1,3- Butadien	mg/Nm ³	≤ 15		
3	Styren	mg/Nm ³	≤ 100		
4	Benzen	mg/Nm ³	≤ 4		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn 01 (Khí thải phát sinh từ quy trình sản xuất ép phun nhựa) được thu gom bằng các chụp hút vào đường ống dẫn khí tôn mạ kẽm Ø400, Ø500, Ø600 dẫn về hệ thống xử lý khí thải, công suất 23.397 m³/giờ. Khí thải sau xử lý bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính được xả thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

- Nguồn 02 (Bụi, khí thải phát sinh từ máy hàn điện tử) được thu gom bằng các chụp hút vào thiết bị xử lý khí thải di động, công suất 280 m³/giờ. Khí thải sau khi xử lý sẽ được xả vào trong môi trường nhà xưởng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quy trình sản xuất ép phun nhựa (nguồn số 01):

+ Số lượng: 01 hệ thống.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Ống dẫn khí → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 23.397 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính

- Thiết bị xử lý bụi, khí thải phát sinh từ máy hàn điện tử (nguồn số 02):

+ Số lượng: 02 thiết bị.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút, quạt hút, ống dẫn → Bộ lọc than hoạt tính → Thoát khí vào trong môi trường nhà xưởng.

+ Công suất thiết kế: 280 m³/giờ/thiết bị.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải theo đúng hướng dẫn, thiết kế; thực hiện vận hành thử nghiệm và nghiệm thu theo đúng quy định.

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động, định kỳ bảo dưỡng thiết bị.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố hỏng hóc: Dừng sản xuất tạm thời để tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời; chỉ đưa dây chuyền sản xuất hoạt động trở lại khi hệ thống xử lý khí thải đã được khắc phục và đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày thực hiện vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quy trình sản xuất ép phun nhựa, công suất 23.397 m³/giờ.

- Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí thải ra môi trường của hệ thống xử lý khí thải.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường


3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

3.3. Thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.4. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn điện tử bảo đảm đạt quy chuẩn theo quy định.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. 

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1850/GPMT-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại khu vực lắp đặt các máy ép phun nhựa;
- Nguồn số 02: Tại khu vực lắp đặt máy nghiền liệu (bavia, sản phẩm lõi hỏng);
- Nguồn số 03: Tại khu vực lắp đặt hệ thống xử lý khí thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
Khu vực E	70	65	60

2.2. Độ rung:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (06:00 đến trước 22:00)	Đêm (22:00 đến trước 06:00)
Khu vực D	75	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt một số thiết bị (đệm cao su, lò xo) để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất.
- Vận hành đúng kỹ thuật các loại máy móc, thiết bị sản xuất bảo đảm hệ thống bôi trơn và các chi tiết truyền động.
- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc, độ mài mòn chi tiết để bôi trơn dầu mỡ, thay mới thiết bị mài mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *re*

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1870/GPMT-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên Chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	19 02 06	14
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20
Tổng			34

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Ba-via nhựa, chi tiết lỗi hỏng không thể tái sử dụng	365
2	Vụn kim loại (nhôm và magie) thải loại	1.242
3	Kính quang học thải	2.650
4	Phế liệu (Bao bì carton, nilon, dây đai, pallet gỗ hỏng, chai, lọ,...)	1.751
5	Nguyên vật liệu lỗi (bản mạch PCB, linh kiện lỗi,... loại không chứa thành phần nguy hại)	70
Tổng		6.078

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	22,575

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên Chất thải nguy hại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (bao gồm cả vật liệu lọc từ thiết bị xử lý khí thải).	18 02 01	91,2
2	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	10

3	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 03 01	7,5
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	17,6
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	7
6	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	17.100
7	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải	12 02 06	772,8
Tổng			18.006,1

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng.

- Kho lưu chứa: 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 9 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông chống thấm, có gờ vát để vận chuyển chất thải ra vào kho dễ dàng; trong kho trang bị các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, vật liệu hấp phụ, thiết bị để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa hoặc bao bì chuyên dụng.

- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 kho lưu chứa, diện tích: 9 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che bằng tôn, nền bê tông kiên cố, có biển cảnh báo theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Sử dụng thùng rác bằng nhựa chuyên dụng có nắp đậy.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực để thu gom, xử lý bảo đảm vệ sinh môi trường theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ

Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. *u*

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1850/GPMT-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

3. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời áp dụng các biện pháp tiên tiến nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình xây dựng và vận hành dự án.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./ 2